

Bản án số: 37/2019/HNGĐ - ST  
Ngày 21/11/2019  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Văn Việt;  
2/ Bà Phạm Thị Thu Kiều.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích Thuyền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2019/TLST- HNGĐ, ngày 06/9/2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T

**- Bị đơn:** Anh Lê Văn T

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2019; các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị và anh Lê Văn T tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 22/02/2005. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm và sinh được 3 con chung, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi vã trong cuộc sống hàng ngày, anh T không phụ cấp tiền bạc để chị nuôi con, không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến mâu thuẫn giữa chị và anh T ngày càng nghiêm trọng mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, nên chị và anh T đã ly thân, không sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai từ năm 2017 đến nay. Do đó, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung tên Lê Văn K, sinh ngày 03/11/2005; Lê Thị Yến T, sinh ngày 10/4/2009; Lê Văn T, sinh ngày 09/3/2016, hiện các con đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả 03 con, vì từ nhỏ tới lớn chỉ một mình chị chăm sóc cho các con, anh T không có trách nhiệm và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 13/9/2019 bị đơn là anh Lê Văn T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 22/02/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc và có 03 con chung. Đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, trong cuộc sống có xảy ra xô xát và xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên cuộc sống hôn nhân của anh với chị T không có hạnh phúc và gấn bó lâu dài về sau. Nay, chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Có 03 con chung như chị T trình bày, chị T đang nuôi con. Khi ly hôn anh đồng ý giao 03 con chung cho chị T nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh T; về con chung: Giao 03 con chung Lê Văn K, sinh ngày 03/11/2005; Lê Thị Yến T, sinh ngày 10/4/2009; Lê Văn T, sinh ngày 09/3/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung: Không có. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

**[1.1]** Tòa án nhận được đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị T. Chị T thuộc diện hộ cận nghèo và có Đơn đề nghị được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí đề ngày 06/9/2019. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tòa án đã chấp nhận Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí Tòa án cho chị T và thụ lý vụ án vào ngày 06/9/2019 là đúng theo quy định tại Điều 191, 193 và 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[1.2]** Đương sự trong vụ án là anh Lê Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1] Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp.

Chị T và anh T đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, xô xát và xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn được, thực tế anh chị đã ly thân hơn 3 năm, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho anh chị, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

**[2.2] Về con chung:** Chị T và anh T có ba con chung là Lê Văn K, sinh ngày 03/11/2005; Lê Thị Yến T, sinh ngày 10/4/2009 và Lê Văn T, sinh ngày 09/3/2016, hiện các con đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cả 03 con. HĐXX xét thấy: Các con đang sống ổn định với mẹ, anh T cũng đồng ý giao 03 con cho chị T nuôi, hơn nữa cháu K, cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, yêu cầu nuôi con của chị T là có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:** Không có, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**[2.4] Về án phí:** Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6 và Điều 12, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định: Trong vụ án ly hôn nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, ngày 06/9/2019 chị T có Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí vì chị thuộc diện hộ cận nghèo. Theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chị T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 6, 12, 14 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Văn T.

**2. Về con chung:** Giao 03 con chung là Lê Văn K, sinh ngày 03/11/2005; Lê Thị Yến T, sinh ngày 10/4/2009 và Lê Văn T, sinh ngày 09/3/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng một trong hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Không có, không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/11/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đức Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Vân**

**Thành Viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Việt**

**Phạm Thị Thu Kiều**

**Nguyễn Thị Bích Vân**

